

Số: 125 /BC-MNCC

Chà Cang, ngày 20 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC: 2024 - 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Chà Cang

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Mới 2, xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0889263586
- Trang thông tin điện tử: <http://mnchacang.nampo.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Nậm Pồ

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

a. Sứ mệnh:

- Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết tài năng trí tuệ của mình.
- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, môi trường "học bằng chơi, chơi mà học" cho trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". " Trẻ em hôm nay - Thế giới ngày mai"; " Tất cả vì học sinh thân yêu"

b. Tầm nhìn:

- Là một trong những trường có thành tích chất lượng hiệu quả, có tương đối đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Trường đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 năm học 2020-2021. Dự kiến duy trì đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và chuẩn quốc gia mức độ 1 năm học 2025- 2026.
- Trường mầm non Chà Cang phấn đấu luôn là một ngôi trường thân thiện,. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, trẻ có những kỹ năng cơ bản để học lên ở cấp học tiểu học. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên cống hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên khẳng định bản thân, có những kỹ năng cơ bản để phục vụ cuộc sống.

c. Mục tiêu giáo dục:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

- Phấn đấu đến năm 2025, trường Mầm non Chà Cang nằm trong nhóm những trường mầm non có chất lượng cao của huyện Nậm Pồ. Là một trong những ngôi trường có cảnh quan sư phạm và cơ sở vật chất đáp ứng chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Mục tiêu đến năm học 2025- 2026 trường duy trì các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, duy trì PCGDMTNT.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Mầm non Chà Cang được thành lập theo Quyết định số 574/QĐ-UBND, ngày 20/8/2004 của UBND huyện Mường Nhé. Khi mới thành lập trường có tổng số: 10 CBQL, GV, NV (CBQL: 02, GV: 06, NV: 02). Cơ sở vật chất nhà trường: Tổng số 12 phòng học, còn có nhiều nhà tạm; chất lượng giáo viên, học sinh còn thấp. Qua nhiều năm xây dựng, phấn đấu và phát triển, đến năm học 2023-2024 trường có 12 lớp, 246 học sinh, 28 CBGV, NV. Có 01 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, 05 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 09 giáo viên giỏi cấp trường; 12/12 phòng học kiên cố... Trong những năm qua nhà trường đạt được những thành tích nhất định như: Năm học 2020-2021 trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và được UBND tỉnh tặng cờ thi đua xuất sắc. Năm học 2022-2023 được UBND tỉnh tặng danh hiệu tập thể LĐXS và bằng khen, nhiều năm liên trường được UBND tỉnh tặng danh hiệu Tập thể LĐXS và nhiều bằng khen, giấy khen khác.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Tống Thị Khuyên
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường Mầm non Chà Cang, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0889263586
- Gmail: khuyen1981.mnchanua@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: QĐ số 574/QĐ-UBND, ngày 20/8/2004 của UBND huyện Mường Nhé.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường: QĐ số 1273/QĐ-UBND, ngày 15/9/2021 của UBND huyện Nậm Pồ về việc thành lập Hội đồng trường các trường mầm non nhiệm kỳ 2021-2026; QĐ số 1678/QĐ-UBND, ngày 12/9/2022 của UBND huyện Nậm Pồ về việc kiện toàn hội đồng trường các trường mầm non nhiệm kỳ 2021-2026 và QĐ số 2208/QĐ-UBND, ngày 08/11/2023 của UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường các trường mầm non, nhiệm kỳ 2021-2026; QĐ số 2208/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024 của

UBND huyện Nậm Pồ về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường các trường mầm non, nhiệm kỳ 2021-2026;

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Tổng Thị Khuyên	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Cà Văn Biên	PCT UBND xã	Thành viên
3	Lăng Thị Thuỷ	P. Hiệu trưởng	Thành viên
4	Lò Thị Thân	P. Hiệu trưởng	Thành viên
5	Lò Thị Mai Dương	Giáo viên	Thành viên
6	Lò Thị Hồng	Chủ tịch công đoàn	Thành viên
7	Lò Thị Oanh	Trưởng ban TTND, TPCM	Thành viên
8	Lường Thị Phóng	TTCM Mẫu giáo đơn+NT	Thành viên
9	Lò Thị Phượng	TTCM Mẫu giáo ghép	Thành viên
10	Khoàng Thị Thêu	Tổ phó chuyên môn mẫu giáo ghép	Thành viên
11	Lường Thị Hiền	Bí thư chi đoàn	Thành viên
12	Lèng Văn Phương	Đại diện hội cha mẹ học sinh	Thành viên
13	Bùi Thị Thủ	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thư ký

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: QĐ số: 1098/QĐ-UBND, ngày 28/06/2022 của UBND huyện Nậm Pồ về việc điều động bổ nhiệm viên chức

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: QĐ số: 1259/QĐ-UBND, ngày 29/4/2024 của UBND huyện Nậm Pồ về việc Bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý;

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: QĐ số: 896/QĐ-UBND, ngày 31/5/2023 của UBND huyện Nậm Pồ về việc điều động, bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Giảng dạy, chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non theo quy chuẩn của Bộ GD&ĐT.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 19 đảng viên.
- + 01 Hội đồng trường với 13 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Công đoàn có 25 công đoàn viên.
- + 01 Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. Quyết định số 574/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 8 năm 2004 của UBND huyện Mường Nhé, về việc thành lập trường Mầm non Chà Cang.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Tổng Thị Khuyên	Hiệu trưởng	0889263586	khuyen1981.mnchanua@gmail.com
2	Lăng Thị Thủy	Phó hiệu trưởng	0942916747	phuongthuychacang@gmail.com
3	Lò Thị Thân	Phó hiệu trưởng	0969264949	lothan8687@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường:
- Quy chế dân chủ:
- Các nghị quyết của Hội đồng trường:
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự:
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác:

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 27 CBQL, GV, NV, trong đó:

- Vị trí việc làm Hiệu trưởng: 01 người (01 Đại học)
- Vị trí việc làm Phó Hiệu trưởng: 02 người (02 đại học)
- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng I: 0 người
- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng II: 03 người (03 đại học)

- Vị trí việc làm Giáo viên Mầm non hạng III: 17 người (16 đại học, 01 cao đẳng)
- Vị trí việc làm Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật: 0
- Vị trí việc làm Kế toán: 0 người
- Vị trí việc làm Văn thư : 0 người
- Vị trí việc làm Thủ quỹ: 01 người (01 trung cấp)
- Vị trí việc làm Thư viện: 0 người
- Vị trí việc làm Y tế học đường: 01 người (01 trung cấp)
- Vị trí việc làm Nhân viên Bảo vệ: 01 người (01 chưa qua đào tạo)
- Vị trí việc làm Nhân viên Nấu ăn: 01 người (01 chưa qua đào tạo)
- Vị trí việc làm Nhân viên Phục vụ: 0 người

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL đạt chuẩn nghề nghiệp.

- CBQL: Tổng số: 03 đồng chí, trong đó: Tốt: 01 đồng chí; Khá: 02 đồng chí
- Giáo viên: Tổng số 20 giáo viên, trong đó Tốt: 06 đồng chí; khá: 14 đồng chí

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, CBQL và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

- Số lượng CBQL hoàn thành bồi dưỡng: 3/3 đồng chí đạt 100%
- Số lượng GV hoàn thành bồi dưỡng: 20/20 đồng chí đạt 100%
- Số lượng nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: 2/4 đồng chí đạt 50% (02 nhân viên hợp đồng)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích đất toàn trường: 6.298.5 m². Trong đó

+ Trung tâm: 1.238,3 m²

+ Nhà Khuyết: 451 m²

+ Huỗi Chá: 1.290.2 m²

+ Nậm Hải 1: 452,2 m²

+ Nậm Hải 2: 718,3 m²

+ Hô Hải 1: 1.155,3 m²

+ Hô Hải 2: 993,2 m²

- Diện tích bình quân tối thiểu/ trẻ: 27,3m². So với yêu cầu quy định tối thiểu (8m²/trẻ): Đảm bảo

b) Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

* Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng hiệu trưởng: 01, Phòng Phó hiệu trưởng: 01, Văn phòng trưởng: 01, phòng dành cho nhân viên: 01, phòng bảo vệ: 01, khu vệ sinh giáo viên: 01, khu để xe: 01

* Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em:

- Tổng số phòng học: 12 phòng, trong đó: Kiên cố 12/12 phòng, tỷ lệ 100%;

- Phòng ngủ: 04 phòng

- Tổng số công trình vệ sinh: 07 công trình đảm bảo tiêu chuẩn. (04 kiên cố, 03 bán kiên cố).

- Hệ thống chiếu sáng: Các lớp học có đủ ánh sáng cho trẻ học tập.

- Phòng giáo dục thể chất: 01 phòng; phòng giáo dục nghệ thuật: 01 phòng

- Tổng số sân chơi là 07, sân chơi có đủ đồ chơi theo quy định là 7/7 sân.

- Thư viện: 01 nhà, đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định.

* Khối phòng tổ chức ăn:

- Tổng số nhà bếp: 07 nhà (bán kiên cố: 07).

- Kho bếp: 01 kho (bán kiên cố)

* Khối phụ trợ:

- Phòng họp: 01 phòng (kiên cố) là nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp.

- Phòng y tế: 01 phòng, đảm bảo các thiết bị thiết yếu cho việc sơ cứu, cấp cứu. Có tủ thuốc và các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

- Nhà kho: 01 nhà (bán kiên cố)

- Sân vườn: 07 sân

- Cổng, hàng rào: Có 07 cổng đặt tại các điểm trường, hàng rào 04 điểm trường được xây tường bao quanh; 03 điểm trường rào bằng thép B40 đảm bảo an toàn, chắc chắn.

* Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống nước sạch: Tổng số công trình nước sạch: 07 (gồm 01 hệ thống nước máy sinh hoạt và 06 nguồn nước tự nhiên đảm bảo cho sinh hoạt hằng ngày)

- Hệ thống cấp điện: Có 6/7 điểm trường có điện lưới Quốc gia, 1/7 điểm trường sử dụng hệ thống Internet vệ tinh.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: Có 07/07 điểm trường có bình chữa cháy, tổng số bình chữa cháy:

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Tại trung tâm có hệ thống Internet, có kết nối mạng phục vụ các hoạt động tại trường. Tại các điểm trường có mạng 3G, 4G...đảm bảo thông tin liên lạc.

- Khu gom rác thải: Có 7/7 điểm trường có hố rác, được xử lý hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

* Các hạng mục công trình:

Các hạng mục công trình được xây kiên cố và bán kiên cố, tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 70%.

- Diện tích xây dựng công trình: Đảm bảo không quá 40%

- Diện tích sân vườn: Đảm bảo không dưới 40%

- Diện tích giao thông nội bộ: Đảm bảo không dưới 20%

c) Số lượng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số bộ thiết bị đồ dùng tối thiểu hiện có: 12 bộ. So với yêu cầu tối thiểu quy định có 02 bộ chưa đầy đủ thiết bị

d) Số lượng đồ chơi ngoài trời, một số thiết bị và điều kiện phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khác.

Số lượng đồ chơi ngoài trời tự tạo 57 đồ chơi tại các điểm trường. Các điều kiện chăm sóc giáo dục trẻ khác đảm bảo công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Đồ chơi ngoài trời: 01 bộ

- Máy chiếu: 04 cái

- Ti vi: 04 cái

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2, và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	

Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

b. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

* Nhà trường được UBND tỉnh công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1175/QĐ-UBND, ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên.

* Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm. Sau 5 năm, đến tháng 11/2025 đánh giá Kiểm định chất lượng và trường chuẩn Quốc gia mức độ 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục trong năm học:

a) Kế hoạch hoạt động tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; (KH kèm theo)

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; (KH kèm theo)

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội;
(*Quy chế kèm theo*)

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em; (*Thực đơn kèm theo*)

đ) Các dịch vụ giáo dục mầm non theo quy định (nếu có).

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước:

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

- Tổng số trẻ: 230 trẻ (Nhà trẻ 45 trẻ, Mẫu giáo 185 trẻ)

- Tổng số nhóm lớp: 12 nhóm, lớp (Nhà trẻ 03 nhóm trẻ; mẫu giáo 09 lớp)

- Tỷ lệ trẻ/ nhóm, lớp: $230/12 = 19,2$ trẻ/nhóm, lớp

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép: 164 trẻ (MGG: 119 trẻ, NT ghép: 45 trẻ)

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày: 230 trẻ

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 225 trẻ

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 230 trẻ

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi:

Đảm bảo tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 71/71 đạt 100 %; 100% trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày; 71/71 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN; bố trí giáo viên đảm bảo tỷ lệ GV/lớp 5 tuổi đúng quy định; tăng cường dạy tiếng Việt cho trẻ 5 tuổi; đảm bảo đủ phòng học và đồ dùng, thiết bị cho các lớp 5 tuổi. Phối hợp với các trường trên địa bàn làm tốt công tác phổ cập, duy trì và giữ vững đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi năm 2024

g) Số trẻ em khuyết tật: 0 trẻ

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng trẻ em đang học (chia theo số lượng trẻ em là người Việt Nam và số lượng trẻ em là người nước ngoài): Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài

trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Nguồn kinh phí theo ngân sách nhà nước giao: 6.464.684.000 đ

- Nguồn thu XHH giáo dục: **38.025.00** (*Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi năm nghìn đồng*).

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

* Tổng ngân sách giao: 6.464.684.000 đ. Trong đó

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 5.432.761.000 đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 897.113.000 đ

- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): Không

- Chi khác (Chi mua phần mềm, điện, nước, internets, sách báo... 134.810.000 đ

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

- Học phí, lệ phí: Không thu

- Dịch vụ vệ sinh: 90.000 đ/trẻ/năm. Tổng số tiền: 18.900.000 đ (*Bằng chữ: Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng chẵn*)

- Trồng trọt: 3.000 đ/ngày/trẻ

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Chính sách trẻ ăn trưa: 175 trẻ. Tổng số tiền: 257.760.000 đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)

- Chính sách Hỗ trợ chi phí học tập: 175 trẻ. Tổng số tiền: 242.550.000đ (Hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)

- Cấp bù học phí: 162 trẻ, tổng số tiền: 32.640.000 đ. Trong đó 4 tháng cuối năm 2024 là: 14.735.000 đ (Mười bốn triệu bảy trăm ba mươi năm nghìn

đồng); 5 tháng đầu năm 2025 là: 17.905.000đ (Mười bảy triệu chín trăm linh năm nghìn đồng);

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG NĂM KHÁC.

1. Công tác xã hội hóa giáo dục

- Nhà trường tích cực tham mưu, vận động các ban, ngành đoàn thể trong xã huy động trẻ ra lớp đảm bảo (Trẻ nhà trẻ đạt 50%; MG 3-5 tuổi đạt 100%).

- Nhà trường đã phối hợp với cha mẹ trẻ huy động và sử dụng nguồn lực để phát triển nhà trường, cụ thể:

- Năm học 2024-2025 nhà trường đã huy động cụ thể như sau:

+ Ủng hộ ngày công lao động: 238 ngày công (các phụ huynh tại điểm bản)

+ Ủng hộ vật liệu: Cát 17 khối (Các lớp trung tâm ủng hộ)

Đá suối: 8 khối; đá học: 8 khối (các lớp trung tâm)

+ Ủng hộ đồ dùng, đồ chơi: 53 đồ dùng, đồ chơi các loại (Trung tâm và các điểm trường)

+ Ủng hộ tiền mặt từ cơ quan, đơn vị, cá nhân xây dựng CSVC: 38.025.000 đ

2. Xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích

100% học sinh được an toàn, không xảy ra tai nạn thương tích trong trường MN. Nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt tiêu chuẩn “Trường học an toàn phòng, chống tai nạn thương tích năm học 2024-2025”.

3. Xây dựng trường có đời sống văn hóa tốt

Nhà trường tập trung giáo dục tư tưởng, đạo đức nhà giáo và cán bộ quản lý, xây dựng nhà trường đoàn kết, biết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tiến bộ không có cán bộ giáo viên bị kỷ luật, 100% gia đình giáo viên đạt “Gia đình văn hóa”. Đảm bảo các tiêu chí trường có đời sống văn hóa tốt.

4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn.

- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 23 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.

- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.

- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.

- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.

- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.

- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng đầu năm 2025 của trường Mầm non Chà Cang theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Phòng GD và ĐT;
- Đăng trên Wetsize;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Tông Thị Khuyên